

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**,
 2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Minh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 948/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Chánh Danh, Cát Tài, Phù Cát, Bình Định.

Vắng mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Bùi Xuân K**, Sinh năm: 1955

Địa chỉ: 23 Trương Định, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 14/5/2018, bản tự khai ngày 10/8/2018, biên bản hòa giải ngày 24/9/2018, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, Nha T. Trong cuộc sống chung hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa giữa hai bên **thường xuyên xảy ra rất nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, ông K xúc phạm đến danh dự và đòi đánh bà T**. Nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K có 01 con chung là Bùi Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/12/2010. Nay bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Nguyễn Xuân K, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 24/9/2018, bị đơn ông Bùi Xuân K trình bày: Ông Bùi Xuân K và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, Nha T. Trong cuộc sống chung vợ chồng, bà T thường mắc nhiều sai lầm, bản thân ông K không có lời nói hay hành động gì hăm dọa đến gia đình của bà T.*

Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông K không đồng ý ly hôn vì ông mong muốn cho con có một gia đình có đủ ba mẹ. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông K giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K có đơn đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong cuộc sống vợ chồng bà T và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà T là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh tình trạng hôn nhân, nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án đang giải quyết. Theo biên bản xác minh ngày 03/10/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, thành phố Nha T cho thấy: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K chung sống với nhau tại địa phương, trong quá trình chung sống địa phương không biết gì về mâu thuẫn của bà T và ông K, không nghe báo cáo về việc này.

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên...*” và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các cháu Bùi Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/12/2010, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Xuân K có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do hay đi làm ăn xa. Nguyên đơn vì lý do công tác nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân L,

Nha T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2013, cấp ngày 13/6/2013). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà T cho thấy vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa giữa hai bên **thường xuyên xảy ra rất nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, cuộc sống ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017**. Nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa vì mâu thuẫn đã kéo dài nên yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Theo lời khai của ông K cho thấy trong cuộc sống chung vợ chồng, bà T thường mắc nhiều sai lầm, bản thân ông K không có lời nói hay hành động gì hăm dọa đến gia đình của bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn **ông K không đồng ý ly hôn vì ông mong muốn cho con có một gia đình có đủ ba mẹ**

Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung của bà T và ông K có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở và hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Bùi Xuân K có 01 con chung là Bùi Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/12/2010. Nay bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Nguyễn Xuân K, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân ông K cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng nếu Tòa án cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay cháu Bùi Nguyễn Xuân K được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định, đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, ngoài ra bà T hiện tại có nơi ở và việc làm cùng với mức lương ổn định, do đó cần tiếp tục giao cho bà Thoa chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét. Ông K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung là Bùi Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Bùi Xuân K.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Bùi Xuân K.

Ông K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009388 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đường sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Tân L, Nha T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu